TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **21/**2021/DS-ST
Ngày: 29 - 6 - 2021
"*T/c bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thành Bê

2. Ông Phạm Ngọc Thanh

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phan Thị Hồng Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 06 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2021/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 5 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2021/QĐST-DS ngày 08/6/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Lê Văn Q, sinh năm 1957 (Có mặt), bà Lê Thị T, sinh năm 1957 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp KLĐ, xã ĐT, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang

* Bị đơn: Ông Tô Quốc N, sinh năm 1984 (Có mặt), bà Nguyễn Thúy N1, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B A, xã T H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

Chỗ ở hiện nay: khu phố T C, phường V H, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Lê Văn Q, bà Lê Thị T trình bày: Năm 2010 ông Q, bà T thuê của Lê Quốc A 10 công đất; năm 2013 thuê của Lê Minh Q1 10 công đất, năm 2016 thuê của bà Lâm Thị B 03 công

đất đều tọa lạc tại ấp M H, xã Đ H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang để sản xuất hai vụ lúa mỗi năm. Khoảng tháng 02/2016 ông Tô Quốc N bơm nước mặn vào đất ông N với mục đích nuôi tôm sú, đất ông Q, bà T chuyên sản xuất trồng lúa nước mỗi năm 02 vụ, ngoài ra không sản xuất gì khác. Khi ông N bơm nước mặn thì ông Q có ngăn cản nhưng ông N nói: Bơm nước vào sợ lỡ mương chứ không có nuôi tôm. Ngày 18/5/2016 ông Q xạ lúa vụ đầu. Ngày 05/6/2016 lúa ông Q bắt đầu chuyển sang màu đỏ và lụn từ từ dẫn đến thiệt hại rất nhiều. Ông Q báo chính quyền địa phương thì ấp và xã kết hợp đến đất ông Q xem xét và đo độ mặn nước trong vuông ông N và đo hai vuông hai bên giáp đất ông N. Kết quả độ mặn trong vuông ông N 08 phần ngàn, nước trong vuông ông Q độ mặn 05 phần ngàn, nước trong vuông phía giáp bên kia (đất ông H) 10 phần ngàn.

Sau khi đo độ mặn xong thì ông Q có gặp ông N, ông Q nói: Ông Q giao đất cho ông N canh tác và ông N phải trả tiền thuê đất cho ông Q để ông Q trả cho chủ đất vì ông Q thuê 23 công đất của bà Lâm Thị B (03 công), Lê Minh Q1 (10 công), Lê Quốc A (10 công) mỗi công 2.000.000 đồng, tổng cộng 46.000.000 đồng mỗi năm nhưng ông N không đồng ý nhận đất và trả tiền thuê mà nói: Đồng ý hỗ trợ tổng cộng 5.000.000đ để dặm lúa, ông Q không đồng ý nên nhờ chính quyền địa phương giải quyết. Ngày 18/6/2016 ấp M H, xã Đ H mời các hộ bị thiệt hại lúa và ông N đến hòa giải, kết quả là ông N thừa nhận có bơm nước mặn gây thiệt hại lúa và đồng ý bồi thường cho ông Võ Văn H 10.000.000 đồng, bà Lê Thị U bao nhiêu ông Q không biết và bồi thường cho ông Q 5.000.000 đồng nên ông Q không đồng ý, lý do lúa ông Q bị thiệt hại 18 công, mỗi công 2.000.000 đồng nhưng ông N chỉ bồi thường 5.000.000 đồng.

Tới khi thu hoạch, ông Q tính vụ lúa đầu năm 2016 ông Q bị thất thu do bị nhiễm mặn là 40.000.000 đồng.

Theo ông Q biết tại ấp M H, xã Đ H, huyện An Minh từ trước đến nay chỉ trồng lúa nước 02 vụ mỗi năm. Nhưng khoảng năm 2010 ông Q có nghe các hộ dân trong ấp M H cách đất ông Q khoảng 1.000 mét có vài hộ nuôi tôm, trồng lúa.

Nay ông Q, bà T yêu cầu vợ chồng ông Tô Quốc N và bà Nguyễn Thúy N1 bồi thường thiệt cho vợ chồng ông Q tiền thuê đất 6,0 công (theo cách tính cộng dồn của ấp M H), với số tiền là 1.800.000 đồng/công, bằng 10.800.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên họp hòa giải, và các lời khai tại Tòa án bị đơn ông Tô Quốc N, bà Nguyễn Thúy N1 trình bày: Tháng 6 năm 2015 ông N nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn D diện tích đất 20.000 m^2, tại ấp M H, xã Đ H, huyện An Minh. Tháng 02/2016 ông N thuê xáng cuốc vào cuốc vuông bao quanh và có tạo thành 03 cái ao, mỗi ao có chiều ngang 2 mét, dài 20 mét. Sau đó ông N bơm nước ngoài sông vào 03 cái ao nói trên chiều cao mặt nước trong ao khoảng 80 cm (bằng với mặt đất trồng lúa) với mục đích là đừng cho lở bờ, khi đó có anh K (Công an ấp) đến hỏi: Bơm nước mặn nuôi tôm hả gì? ông N nói bơm cho đừng lỡ bờ. Khoảng 15 ngày sau, do nắng nóng nước trong ao bốc hơi cạn nước nên ông N tiếp tục bơm lần hai có ông L

(trưởng ấp) đến nói đất ở đây được quy hoạch nuôi tôm từ năm 2009 nhưng riêng tại tổ này thì đất nhỏ lẻ nên các hộ dân thống nhất giữ lại để trồng hai vụ lúa không nuôi tôm, ông N nói đào ao để nuôi cá và trên bờ trồng dừa chứ không có nuôi tôm bơm nước để dữ chân tránh sạt lỡ.

Khoảng 03 tháng sau ông Q và các hộ dân đồng loạt xạ lúa, ông N cũng xạ lúa nhưng sau ông Q 03 ngày. Khoảng 15 ngày sau khi xạ lúa thì phía đất bà U cách đất ông N 01 dây đất phát hiện lúa bị héo chết. Sau đó khoảng 10 ngày thì ông Q, ông H và bà U có qua gặp ông N nói do ông N bơm nước mặn gây thiệt hại lúa, ông N tính sao?, ông N không đồng ý, lý do không phải do ông N bơm nước mặn gây thiệt hại lúa. Ông Q yêu cầu ấp H giải quyết, chính quyền địa phương cùng ông Q và các hộ dân lân cận đo độ mặn nhưng không có mặt ông N. Tại biên bản hòa giải của ấp M H thì có thông báo cho ông N biết đo độ mặn trong vuông ông N là 08 phần ngàn, đất ông H 10 phần ngàn, của bà U 10 phần ngàn, của ông Q 05 phần ngàn.

Ông N xác định là ông N không có lỗi, nhưng xét thấy tình làng nghĩa xóm hơn nữa ông N mới về ấp M H sinh sống nên ông N đồng ý thuê lại diện tích đất của ông H 05 công bằng 10.000.000 đồng, có hỗ trợ cho bà U 2.000.000 đồng mặt dù bà U không có yêu cầu, đồng ý hỗ trợ cho ông Q 5.000.000 đồng nhưng ông Q không đồng ý. Vụ lúa đầu năm 2016 ông N cũng bị thiệt hại.

Thực tế thì lúa của ông Q có bị chết nham nhỡ, nếu cộng dồn thì khoảng 06 công tầm 3 mét. Nay ông N thống nhất hỗ trợ cho vợ chồng ông Q 5.000.000 đồng tiền công dậm lúa.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại (Tiền thuê đất) là 36.000.000 đồng và yêu cầu bổ sung tiền chi phí gồm: Tiền cày xới, bừa đất, lúa giống, phân bón 03 đợt là 24.000.000 đồng. Tổng cộng là 60.000.000 đồng.

- Bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và không hỗ trợ cho ông Q như lời trình bày trước đây.

- Kiểm sát viên phát biểu:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án xác định đúng mối quan hệ pháp luật tranh chấp; Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các vị Hội thẩm, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ để xác định diện tích lúa bị chết được, lý do là lúa bị chết vào khoảng tháng 03/2016 nhưng vụ án được thụ lý vào tháng 07/2017 và trước đó, vào tháng 11/2016 Tòa án huyện An Minh đã thụ lý vụ án và đã đình chỉ việc giải quyết vụ án, sau khi thụ lý vụ án lần hai, Thẩm phán đã sao lục hồ sơ cũ nhưng trong hồ sơ cũ cũng không có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, do đó không xác định được diện tích lúa bị chết, nhưng các bên đương sự thống nhất diện tích lúa bị chết (Cộng dồn) là 06 công tầm 03 mét. Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ngày 20/5/2021 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự nhưng bị đơn bà Nguyễn Thúy N1 vắng mặt lần thứ nhất không lý do, không vì trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử thống nhất hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự vàTòa án tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự và phiên tòa được mở ngày hôm nay.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định mối quan hệ pháp luật là tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm.

[3] Xét về thiệt hại: Theo biên bản xác minh ngày 05/5/2021 thì thực tế lúa của ông Q có bị chết, nhưng lời khai của những người này không đồng nhất với nhau về nguyên nhân lúa bị chết. Tại thời điểm lúa bị chết, cơ quan chuyên môn không tiến hành xét nghiệm để xác định nguyên nhân dẫn đến lúa bị chết. Mặt khác, tại Công văn số: 331/CV-PNN ngày 31/12/2019 của Phòng nông nghiệp huyện An Minh xác định vào thời điểm tháng 05/2016 tại tổ 6 (Đất ông Q), ấp M H, xã Đ H đã được UBND huyện quy hoạch sản xuất 01 vụ tôm, trồng 01 vụ lúa; tại biên bản làm việc với UBND xã Đ H thì đại diện UBND xã Đ H cho biết: Tại ấp M H, xã Đ H, cụ thể là ngay vị trí đất bị thiệt hại là nằm trong vùng quy hoạch chuyển dịch nuôi 01 vụ tôm, trồng 01 vụ lúa từ năm 2005, tuy nhiên tại buổi triển khai quy hoạch thì có một số hộ dân không đồng thuận, lý do là những hộ này không biết cách nuôi tôm nước mặn, từ đó UBND xã Đ H có ý kiến: Nếu hộ nào không nuôi tôm thì tự bảo quản diện tích đất của mình để trồng lúa. Đồng thời năm 2011 UBND huyện An Minh đã thông báo lịch thời vụ để sản xuất tôm - lúa, theo đó: Vụ tôm thu hoạch dứt điểm trước ngày 31/7/ hàng năm và vụ lúa bắt đầu từ 15/9. Vì vậy, nguyên đơn cho rằng diện tích đất này chỉ trồng lúa hai vụ là không có cơ sở và nguyên đơn tiến hành xạ lúa vào tháng 5 là chưa tuân thủ theo lịch thời vụ do UBND huyện An Minh (Phòng nông nghiệp) hướng dẫn. Việc ông N bơm nước mặn vào ao là có thật, nhưng ông N không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính và chính quyền địa phương xác định

diện tích đất bị thiệt hại là thuộc quy hoạch nuôi tôm, nên ông N không có lỗi, vì vậy không làm phát sinh nghĩa vụ bồi thường.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu bổ sung, buộc bị đơn bồi thường tiền chi phí gồm: Tiền cày xới, bừa đất, lúa giống, phân bón 03 đợt là 24.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu bổ sung của nguyên đơn là sau khi Tòa án công khai chứng cứ trong vụ án và đồng thời nguyên đơn không nêu được từng chi phí cụ thể là bao nhiêu tiền nên Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận xem xét yêu cầu bổ sung của nguyên đơn trong vụ án này. Nguyên đơn có quyền khởi kiện thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận, căn cứ khoản 1 Điều 584, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, bác toàn bộ yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm của nguyên đơn ông Lê Văn Q, bà Lê Thị T.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn thuộc diện người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên HĐXX căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn Q, bà Lê Thị T.

Hoàn trả lại 900.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn Q, theo biên lai thu số 0000397 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng: Khoản 1 Điều 584, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm của nguyên đơn ông Lê Văn Q, bà Lê Thị T đối với ông Tô Quốc N, bà Nguyễn Thúy N1.

Về án phí: Nguyên đơn thuộc diện người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên HĐXX căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn Q, bà Lê Thị T.

Hoàn trả lại 900.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn

Q, theo biên lai thu số 0000397 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh KG;*
- *VKSND huyện AM*
- *Chi cục THADS huyện AM;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HSVA, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Trần Văn Tới

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA